

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

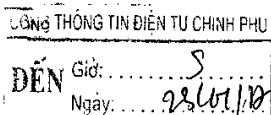
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 22 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bãi bỏ các Quyết định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc bãi bỏ một số quy định và các Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1701/TTr-STC ngày 22 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ các Quyết định quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Các khoản phí, lệ phí sẽ dừng thu hoặc chuyển từ phí sang giá dịch vụ mà Nhà nước không định giá, bao gồm:

a) Quyết định số 51/2007/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng Lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất do cơ quan địa phương thực hiện;

b) Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt do cơ quan địa phương thực hiện;

c) Quyết định số 53/2007/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước do cơ quan địa phương thực hiện;

d) Quyết định số 54/2007/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi do cơ quan địa phương thực hiện;

đ) Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 09/4/2013 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

e) Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

g) Quyết định số 46/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp biên số nhà trên địa bàn tỉnh An Giang;

h) Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

i) Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 25/8/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

2. Các khoản phí, lệ phí sẽ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá, bao gồm:

a) Quyết định số 1908/2003/QĐ-UBND ngày 06/10/2003 về việc ban hành chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ;

b) Quyết định số 1526/2004/QĐ-UBND ngày 10/8/2004 về việc ban hành mức thu và sử dụng phí đo đạc, lập bản đồ địa chính;

c) Quyết định số 42/2007/QĐ-UBND ngày 21/8/2007 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua phà trên địa bàn tỉnh An Giang;

d) Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 01/4/2011 về việc sửa đổi biểu mức thu phí qua phà trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-UBND ngày 21/08/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

đ) Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua đò trên địa bàn tỉnh An Giang;

e) Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 về mức thu, chế độ thu, nộp, phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh An Giang;

g) Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 31/3/2014 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh An Giang;

h) Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua cầu Bình Thủy, huyện Châu Phú;

i) Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 15/8/2016 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí qua cầu Mỹ Lương - Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (công trình đầu tư theo hình thức BOT).

3. Các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Chính phủ và Bộ Tài chính, bao gồm:

a) Quyết định số 60/2007/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực do cơ quan địa phương thực hiện;

b) Quyết định số 61/2007/QĐ-UBND ngày 12/9/2007 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp do cơ quan địa phương thực hiện;

c) Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 04/10/2012 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản không kim loại;

d) Quyết định số 37/2013/QĐ-UBND ngày 01/10/2013 về việc ban hành tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn tỉnh An Giang;

đ) Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

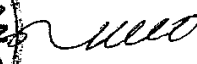
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ 4 - Văn phòng Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo AG, Đài PT-TH AG, TTXVN tại An Giang;
- Website Chính phủ; Website tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, P.KTTH, TT. Công báo - Tin học.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Văn Nưng